

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04/9/2020

*“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Minh Khánh.

2. Ông Nguyễn Văn Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 04/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2020/QĐXX-ST ngày 28/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2020/QĐ-ST ngày 13/8/2020, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn M, sinh năm: 1988.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Đông Thịnh, xã Tam D, huyện Lục N, tỉnh B.
(vắng mặt)

***Bị đơn:** Chị Mã Thị H, sinh năm: 1988.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đông Thịnh, xã Tam D, huyện Lục N, tỉnh B (Hiện đang lao động tại nước ngoài).

Địa chỉ cuối cùng của chị Mã Thị H tại Việt Nam là Thôn Đông Thịnh, xã Tam D, huyện Lục N, tỉnh B. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 05/4/2020, nguyên đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:

Anh và chị Mã Thị H đăng ký kết hôn vào ngày 21/5/2011 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam D, huyện Lục N, tỉnh B, được Ủy ban nhân dân xã Tam D cấp giấy chứng nhận kết hôn và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh chung sống cùng gia đình anh tại thôn Đông Thịnh, xã Tam D, huyện Lục N, tỉnh B. Thời gian đầu vợ chồng anh chị làm ruộng, đến năm 2012 chị H có đi làm công nhân tại công ty may Lục Nam một thời gian do công việc áp lực, thu nhập lại không cao nên hai vợ chồng anh chị thống nhất để cho chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu đi lao động thì vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, nhưng do công việc vất vả, lương thấp, chị H đi được khoảng hơn một năm thì anh có bảo chị H về nước tìm công việc ổn định để làm nhưng chị H không đồng ý, kể từ đó vợ chồng anh chị ít liên lạc với nhau hơn, tình cảm vợ chồng cũng phai nhạt dần và phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 6/2016 chị H có về nước và ở nhà được khoảng hơn một tháng thì bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở vì chị H vẫn mong muốn đi xuất khẩu lao động, còn bản thân anh thì không muốn chị H đi tiếp mà muốn tìm công việc ổn định ở trong nước để có thời gian chăm sóc con cái. Anh và gia đình anh đã nhiều lần đến gia đình nhà chị H để nói chuyện và gọi về nhưng chị H vẫn từ chối không về. Vào khoảng tháng 12/2016 anh có nghe tin chị H tiếp tục đi lao động tại Đài Loan, kể từ đó đến vợ chồng anh đã sống ly thân với nhau không ai quan tâm tới ai. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho anh được ly hôn chị Mã Thị H.

Về con chung: Anh và chị Mã Thị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 28/11/2011 hiện cháu Kh đang ở với anh. Ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Anh chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh M còn trình bày: Hiện nay chị H vẫn ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài anh không cung cấp được cho Tòa án được vì anh có hỏi địa chỉ của chị H nhưng chị H không cung cấp địa chỉ ở nước ngoài cho anh, chị H vẫn liên lạc về gia đình nhưng bố đẻ chị H là ông Mã Văn L, sinh năm 1947 trú tại: Thôn Hòn Ngọc, xã Tam D, huyện Lục N, tỉnh B cũng không cung cấp địa chỉ nên anh không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên anh không thể tham gia được các phiên họp về việc kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh và chị H được, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên họp về việc kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và

chị Mã Thị H.

Tại đơn trình bày cháu Nguyễn Minh Kh trình bày: Cháu là con của bố Nguyễn Văn M và mẹ Mã Thị H hiện nay cháu đang ở cùng với bố là Nguyễn Văn M. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu xin được ở với bố cháu là Nguyễn Văn M vì bố cháu chăm sóc các cháu từ nhỏ.

Bị đơn chị Mã Thị H không có bản tự khai.

Ngày 23/6/2020 và ngày 13/7/2020 Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị Mã Thị H là ông Mã Văn L, sinh năm 1947; trú tại: Thôn Hòn Ngọc, xã Tam D, huyện Lục N, tỉnh B để giao Thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông L thông báo cho chị H biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Nguyễn Văn M và chị Mã Thị H; yêu cầu chị H viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu ông L cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua hai lần làm việc ông L vẫn giữ nguyên quan điểm là chị H ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của chị H. Đồng thời, ông cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị H biết để chị H gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị H gửi về.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn M vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Mã Thị H vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh M; Biên bản làm việc với bố đẻ của chị H là ông Mã Văn L và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn anh Nguyễn Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị H không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị H; Căn cứ vào quy định của pháp luật xét xử vắng mặt chị H là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; 238; điều 271; điều 273; khoản 2 điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn M. Xử cho anh Nguyễn Văn M được ly hôn chị Mã Thị H.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 28/11/2011 cho anh Nguyễn Văn M nuôi dưỡng, chăm sóc.

Anh Nguyễn Văn M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Anh Nguyễn Văn M là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn M.

Đối với bị đơn chị Mã Thị H vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị H là ông Mã Văn L để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông L thông báo cho chị H biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Nguyễn Văn M và chị Mã Thị H, yêu cầu ông L cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài. Ông Mã Văn L trình bày: chị H vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà ông L vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị H cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị H biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Mã Thị H theo thủ tục chung.

[2]. **Về thẩm quyền:** Anh Nguyễn Văn M là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Mã Thị H, chị H hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 8594/QLXNC – P5 v/v cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 11/6/2020 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì chị H xuất nhập cảnh 05 lần, lần xuất cảnh gần đây nhất là ngày 17/10/2018 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của chị H ở Việt Nam là: Thôn Đông Thịnh, xã Tam D, huyện Lục N, tỉnh B. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M và chị Mã Thị H kết hôn năm 2011 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam D, huyện Lục N, tỉnh B. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh M trình bày: Sau khi kết hôn chị H về nhà anh làm dâu và ở chung cùng gia đình chồng. Do làm việc ở trong nước có thu nhập thấp nên hai vợ chồng anh chị có bàn bạc để chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ tháng 6/2013. Thời gian đầu khi chị H mới sang nước ngoài lao động thì vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, nhưng do công việc ở bên nước ngoài vất vả, lương thấp nên chị H đi được khoảng hơn một năm thì anh có bảo chị H về nhưng chị H không đồng ý nên dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Tháng 6/2016 chị H có về nước nhưng sau đó lại bỏ về nhà bố mẹ để sống vì vẫn mong muốn đi xuất khẩu lao động, còn bản thân anh M thì không muốn chị H đi tiếp mà muốn chị H ở nhà tìm công việc ổn định làm có thời gian chăm sóc gia đình và con cái. Bản thân anh M và gia đình đã nhiều lần đến nhà chị H để nói chuyện và gọi về nhưng chị H từ chối không về. Đến tháng 12/2016 thì chị H lại đi lao động tại Đài Loan không được sự đồng ý của anh và kể từ đó vợ chồng anh đã sống ly thân với nhau và không liên lạc gì với nhau nữa. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Mã Thị H.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn M với chị Mã Thị H. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh M và chị H chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2013 được sự thống nhất của hai vợ chồng để chị H đi lao động xuất khẩu tại nước ngoài để có thu thập trang trải cuộc sống, nhưng do công việc ở bên nước ngoài vất vả và lương thấp nên chị H đi được hơn một năm thì anh M có bảo chị H về nước để tìm công việc ổn định và có thời gian chăm sóc gia đình và con cái nhưng chị H không đồng ý mà vẫn muốn đi xuất khẩu lao động nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và đến tháng 6/2016 không được sự đồng ý của anh M chị H lại đi sang nước ngoài lao động tiếp và từ đó vợ chồng đã sống ly thân với nhau và cắt đứt mọi liên lạc với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh M và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn M. Xử cho anh Nguyễn Văn M được ly hôn với chị Mã Thị H.

[4]. Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn M và chị Mã Thị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh Kh sinh ngày 28/11/2011. Hiện tại cháu Kh đang ở cùng với anh M. Ly hôn anh M đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh M: Hội đồng xét xử thấy hiện chị H đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Mã Thị H từ khi đi nước ngoài thì cháu Kh vẫn do anh M là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu phát triển bình thường, được đi học đầy đủ. Mặt khác, cháu Kh có đơn trình bày muốn ở cùng với bố. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn M về nuôi con chung là cháu Nguyễn Minh Kh. Giao cho anh M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Minh Kh sinh ngày 28/11/2011 là phù hợp điều kiện thực tế và nguyện vọng của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Chị Mã Thị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

[5]. Về tài sản, công nợ: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M được ly hôn với chị Mã Thị H.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 28/11/2011.

Chị Mã Thị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

3.Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000752 ngày 22/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận anh M đã nộp đủ.

3.Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Văn M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Mã Thị H hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Minh Khánh Nguyễn Văn Chiến

Trần Thị Hà

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Tam D, Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

Trần Thị Hà

